

SỐ: 2668/KH-UBND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 11 năm 2010

SỔ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
Số	2359
Ngày	09/11/10
Chuyên	

## **KẾ HOẠCH**

### **Ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015**

Căn cứ hiện trạng và nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015 với các nội dung chính như sau:

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006, Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa;
- Nghị định 64/NĐ-CP ngày 10/7/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Quyết định 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng tới 2020;
- Thông tư liên tịch số 43/2008/TT-BTC-BTTTT ngày 26/5/2008 của Bộ Tài chính - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 48/2009/QĐ-TTg ngày 31/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2009-2010;
- Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;
- Nghị định 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về việc quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Quyết định 1605/2010/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;

- Nghị quyết số 13/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 của HĐND tỉnh thông qua Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và CNTT tỉnh Bắc Giang đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Công văn số 491/BTTTT-UDCNTT ngày 25/02/2010 của Bộ TT&TT về việc xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015, Công văn số 3365/BTTTT-UDCNTT ngày 08/10/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thẩm định kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015;

- Căn cứ theo hiện trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại Bắc Giang.

## **II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT**

### **1. Môi trường pháp lý của tỉnh:**

Ngày 08/12/2006, HĐND tỉnh thông qua Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và CNTT tỉnh Bắc Giang đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Ngày 26/12/2006, Ban chỉ đạo CNTT tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2970/KH-BCĐ về việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm giảm văn bản, giấy tờ hành chính trong các cơ quan QLNN của tỉnh Bắc Giang;

Ngày 03/4/2007, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định tổ chức, quản lý và vận hành mạng tin học diện rộng của tỉnh;

Ngày 07/8/2007, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND về phát triển thương mại điện tử tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2007-2010;

Ngày 25/12/2008, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch số 3370/KH-UBND về việc ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2009-2010;

Ngày 06/8/2009, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 07/CT-UBND về việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, còn có một số văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT.

### **2. Hiện trạng hạ tầng CNTT:**

Các cơ quan thuộc UBND tỉnh có 87 mạng LAN, 821 máy tính, 123 máy in, 32 máy chủ, bình quân đạt 0.94 máy tính/công chức; khối các cơ quan thuộc UBND các huyện, thành phố có 34 mạng LAN, 2276 máy tính (bình quân đạt 0,8 máy/công chức), 13 máy chủ, 1370 máy in, 72 máy quét.

100% các sở, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố kết nối internet ADSL; 218/230 UBND cấp xã đã kết nối Internet, trong đó phần lớn là kết nối ADSL.

UBND tỉnh đã triển khai xong hệ thống Hội nghị truyền hình từ UBND tỉnh đến UBND các huyện.

Về triển khai mạng chuyên dùng: Tất cả các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện đã được kéo cáp, sẵn sàng kết nối vào mạng chuyên dùng.

Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin: Nhìn chung, công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong các cơ quan QLNN còn hạn chế, có nhiều nguyên nhân nhưng tập chung chủ yếu ở một số nguyên nhân sau:

- Về hạ tầng mạng LAN, WAN chưa được đầu tư theo quy chuẩn quy định.
- Nhận thức về mức độ an toàn an ninh thông tin của lãnh đạo cơ quan và cán bộ, công chức còn hạn chế. Do vậy, trong việc ứng dụng CNTT còn chưa chú trọng đến công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

### **3. Hiện trạng ứng dụng CNTT:**

#### **a. Kết quả ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước:**

Xây dựng “Một cửa điện tử”: Có 8/10 huyện, thành phố và 2 Sở triển khai xong một cửa điện tử, gồm: Thành phố Bắc Giang, Yên Dũng, Lạng Giang, Việt Yên, Yên Thế, Lục Ngạn, Sơn Động, Lục Nam, Sở TT&TT và Ban Quản lý các khu công nghiệp. Các huyện Hiệp Hòa, Tân Yên và các sở GTVT, KHCN, Nông nghiệp & PTNT, Sở Kế hoạch & Đầu tư đang triển khai xây dựng, dự kiến xong trong quý IV năm 2010.

Gửi nhận văn bản điện tử: Toàn tỉnh, từ UBND tỉnh đến UBND cấp xã đã thực hiện gửi nhận văn bản điện tử theo quy định. Kết quả, 70% văn bản đến, 60% văn bản đi của khối cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện gửi nhận văn bản điện tử.

Sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành qua mạng: 100% các Sở, UBND cấp huyện đã cài đặt và sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng NetOffice. Trong đó 16/33 đơn vị sử dụng đầy đủ các tính năng của phần mềm.

Các ứng dụng khác: Cán bộ công chức trong các cơ quan nhà nước đã được phổ cập tin học; 100% cán bộ công chức từ cấp huyện trở lên đã soạn thảo văn bản trên máy tính; 100% các cơ quan đã sử dụng phần mềm kế toán; 100% cán bộ công chức từ cấp huyện trở lên được cấp và sử dụng thư điện tử trong công tác; 100% các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố đã xây dựng trang thông tin điện tử...

#### **b. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bắc Giang được xây dựng theo chương trình của Đề án 112, được đưa vào hoạt động từ năm 2005; cung cấp 1661 thủ tục hành chính công (gồm 96 thủ tục hành chính công mức độ 1, 1565 thủ tục hành chính công mức độ 2) của tất cả các sở, ngành, cấp huyện, xã trên toàn tỉnh; cung cấp các văn bản quy phạm pháp luật, thông tin chỉ đạo điều hành, xin ý kiến nhân dân và những nội dung thông tin khác...

33/33 đơn vị cấp sở và UBND các huyện, thành phố đã xây dựng được trang thông tin điện tử (10/10 huyện, thành phố và 23 đơn vị cấp sở).

Nhằm nâng cao nhận thức và đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử vào phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, UBND tỉnh Bắc Giang đã phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam xây dựng và đưa vào sử dụng Sàn giao dịch thương mại điện tử Bắc Giang. Thực hiện Chương trình 191, Bắc Giang đã đầu tư tập huấn về CNTT, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website, xây dựng mô hình doanh nghiệp mẫu, cấp sổ tay và bản tin ứng dụng CNTT, tổ chức nhiều cuộc hội thảo về ứng dụng CNTT trong các doanh nghiệp...

*c. Các dự án ứng dụng CNTT giai đoạn 2008-2010 của tỉnh:*

Giai đoạn 2008 - 2010, các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh không có dự án CNTT nào được triển khai. Đa số các đơn vị triển khai các ứng dụng CNTT nhỏ lẻ, chỉ dừng ở mức đầu tư các hạng mục CNTT từ nguồn kinh phí sự nghiệp. Cụ thể:

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Kinh phí
<b>I</b>	<b>Cơ sở hạ tầng</b>			<b>5997</b>
1	Đề án xây dựng mạng tin học diện rộng, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh (Đề án 85)	2008	Sở TT&TT và UBND các huyện	1412
2	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	2008	Văn phòng UBND tỉnh	955
3	Xây dựng mạng WAN cáp quang đến các sở ngành	2009	Sở TT&TT	350
4	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	2009	Văn phòng UBND tỉnh	300
5	Xây dựng hệ thống giao ban hội nghị truyền hình	2008	Văn phòng UBND tỉnh	2500
6	Mua sắm thiết bị thuộc Dự án Phát triển công nghệ thông tin ngành tài chính tỉnh Bắc Giang đến năm 2010	2009	Sở Tài chính	480
<b>II</b>	<b>Đầu tư ứng dụng</b>			<b>10150</b>
1	Xây dựng Một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông tại các huyện, cơ quan tỉnh	2009-2010	UBND các huyện, các cơ quan tỉnh	4500
2	Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư tại thành phố Bắc Giang	6/2010	Thành phố Bắc Giang	1500
3	Xây dựng website	2009-2010	UBND các huyện, các cơ quan tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội	4150

#### **4. Hiện trạng nguồn nhân lực và công tác đào tạo, bồi dưỡng CNTT:**

##### **a. Hiện trạng nguồn nhân lực CNTT trong các cơ quan:**

Tỷ lệ cán bộ công chức có chứng chỉ tin học (A,B,C) trở lên trong các cơ quan cấp Sở đạt 95%, trong các cơ quan cấp huyện đạt 80%, ở UBND cấp xã đạt 17%.

##### **b. Cán bộ chuyên trách CNTT:**

Các cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố đã có 40 cán bộ chuyên trách và cán bộ kiêm nhiệm CNTT (05 cán bộ kiêm nhiệm CNTT). Trong đó, có 19 cán bộ chuyên trách CNTT đạt yêu cầu chuyên môn theo quy định (05 huyện, 14 cơ quan cấp sở).

##### **c. Công tác đào tạo, bồi dưỡng:**

Đến nay, khoảng 95% cán bộ công chức cấp tỉnh, 80% cán bộ công chức cấp huyện, 30% cán bộ công chức cấp xã sử dụng máy vi tính đáp ứng được yêu cầu công việc. Kết quả đào tạo CNTT trong các cơ quan nhà nước 03 năm qua thực hiện được như sau:

- Đào tạo cho cán bộ chuyên trách CNTT: Hàng năm, cán bộ chuyên trách CNTT được đào tạo về công tác an toàn an ninh thông tin; sử dụng phần mềm nguồn mở và quản trị trang TTĐT.

- Đào tạo về biên tập và quản trị trang TTĐT: Để nâng cao chất lượng của trang TTĐT, trong năm 2010, Sở TT&TT đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ biên tập, quản trị trang TTĐT của các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố.

- Đào tạo CNTT cho đội ngũ cán bộ công chức các cấp: Trong 2 năm (2009-2010), Sở TT&TT đã đào tạo được 40 lớp với gần 2000 cán bộ công chức các cấp về kỹ năng ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn. Các trường chuyên ngành (các trường chuyên môn, trường chính trị, trường Đảng...) trong chương trình đào tạo chuyên môn và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ công chức cũng kết hợp đào tạo về CNTT.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những kết quả đạt được:**

Về cơ bản, đội ngũ cán bộ công chức từ cấp huyện trở lên đã sử dụng thành thạo máy tính; máy tính đã trở thành công cụ làm việc hữu ích không thể thiếu của đội ngũ cán bộ công chức; 100% cấp xã đã sử dụng máy tính trong công việc.

100% các cơ quan cấp sở, UBND các huyện thành phố đã xây dựng trang TTĐT; Bắc Giang là tỉnh đầu tiên thực hiện gửi nhận văn bản điện tử đến cấp xã. Nhiều huyện và nhiều sở đã xây dựng và vận hành Một cửa điện tử; xây dựng hệ thống giao ban trực tuyến từ UBND tỉnh đến các huyện, thành phố.

Nhiều phần mềm đã được sử dụng trong công việc: phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng, phần mềm kế toán, phần mềm của hệ thống kho bạc, ngân hàng... đã góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng làm việc của các cơ quan nhà nước.

Ứng dụng CNTT đã góp phần thay đổi phong cách làm việc của các cấp lãnh đạo, cán bộ, công chức, doanh nghiệp, bảo đảm khoa học, nhanh chóng, chính xác,

văn minh, hiện đại; nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng phục vụ tổ chức, doanh nghiệp, nhân dân của các cơ quan nhà nước.

## **2. Các khó khăn, tồn tại cần khắc phục:**

Một số cơ quan nhà nước chưa nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm, chưa tập trung chỉ đạo ứng dụng CNTT tại đơn vị, mọi việc còn trông chờ UBND tỉnh và Sở TT&TT.

Kinh phí đầu tư ứng dụng và phát triển CNTT còn ở mức rất thấp, chưa đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước. Trong 05 năm vừa qua, không có dự án CNTT nào của UBND tỉnh được triển khai. Hầu hết các cấp, các ngành đã xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm nhưng không bố trí hoặc không có nguồn kinh phí để triển khai.

Hiện nay, đa số các huyện, các cơ quan cấp Sở đã bố trí cán bộ chuyên trách CNTT nhưng chỉ có 50% số cán bộ chuyên trách bảo đảm tiêu chuẩn. Đây là một nguy cơ rất lớn khi các đơn vị tổ chức ứng dụng sâu, rộng CNTT trong các đơn vị.

Năng lực quản lý nhà nước cũng như trình độ chuyên môn về thông tin và truyền thông của nhiều phòng VH&TT cấp huyện còn hạn chế, công tác triển khai ứng dụng CNTT gặp nhiều khó khăn và trở ngại.

Hệ thống thư điện tử của tỉnh phục vụ cho gửi nhận văn bản điện tử, trao đổi thư điện tử của tỉnh còn nhiều trục trặc. Đường truyền kết nối internet trong toàn tỉnh còn chậm, chất lượng chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng CNTT.

Công tác xây dựng CSDL còn yếu, chưa đồng bộ, chưa rõ nguồn kinh phí, chưa có một đơn vị chủ trì xây dựng các CSDL lớn dùng chung cho toàn tỉnh.

## **3. Giải pháp khắc phục:**

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức của lãnh đạo, cán bộ, viên chức về hiệu quả, ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Tập trung đầu tư ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ quan điện tử, chính quyền điện tử. Chú trọng đầu tư cho các hệ thống ứng dụng CNTT dùng chung cho các cơ quan, đơn vị.

Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ cán bộ công chức; gắn đào tạo với sử dụng vận hành các dự án CNTT được đầu tư; chú trọng đào tạo CNTT cho đội ngũ cán bộ công chức cấp xã. Xây dựng cơ chế chính sách nhằm thu hút cán bộ có trình độ cao về tỉnh làm việc.

## **IV. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT**

### **1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2015:**

Từng bước xây dựng cơ quan điện tử, chính quyền điện tử gắn với xây dựng doanh nghiệp điện tử và công dân điện tử, xây dựng thương mại điện tử, bệnh viện điện tử và trường học điện tử trên địa bàn toàn tỉnh.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015:**

**a. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật:**

Đẩy mạnh đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng CNTT với những mục tiêu như sau:

- 100% các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến xã được kết nối vào mạng truyền dẫn chuyên dùng tốc độ cao, an toàn, bảo mật của Đảng và Nhà nước.
- 100% các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND huyện và xã được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực quốc gia.
- 100% các xã được phủ sóng 3G hoặc kết nối internet ADSL.
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật hội nghị truyền hình từ cấp tỉnh xuống cấp huyện.

**b. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước:**

100% các cơ quan cấp sở và UBND cấp huyện được trang bị và sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc qua mạng máy tính, tiến tới xây dựng hệ thống thông tin quản lý văn bản tích hợp trong toàn tỉnh; hết năm 2013, 100% các văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện được trao đổi qua mạng (trừ các văn bản mật theo quy định của nhà nước) được chứng thực chữ ký số.

100% các đơn vị thuộc cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan ban ngành của Đảng, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể; 100% cán bộ, công chức, nhân viên từ cấp xã trở được cung cấp hộp thư điện tử để thực hiện gửi nhận văn bản điện tử và trao đổi công việc.

Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung cho toàn tỉnh: CSDL về KTXH; CSDL về thư viện điện tử; CSDL về tài nguyên môi trường; CSDL về phân tích dự báo KTXH; CSDL về tài nguyên nông nghiệp trên nền GIS...

Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng trong các cơ quan như: CSDL về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; CSDL về khiếu nại, tố cáo...

**c. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang để phục vụ người dân và các doanh nghiệp. Mục tiêu đến năm 2015 có ít nhất 50% người dân sử dụng các dịch vụ hành chính công trực tuyến, 80% người dân biết về các dịch vụ hành chính công trực tuyến; có ít nhất 50% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến để đăng ký kinh doanh, báo cáo thuế.

100% các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện có trang thông tin điện tử, đảm bảo việc cung cấp các dịch vụ hành chính công mức độ 3-4.

Xây dựng hệ thống liên thông giải quyết thủ tục hành chính công điện tử dùng chung trong toàn tỉnh, của các cấp, các ngành từ tỉnh đến xã; bảo đảm khả năng kết nối giữa các hệ thống một cửa với cổng, trang thông tin của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp qua mạng Internet; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục hành chính.

#### **d. Phát triển nguồn nhân lực:**

Chú trọng bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực CNTT đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu ứng dụng CNTT của các cơ quan. Nội dung như sau:

- Xây dựng và phát triển đội ngũ giám đốc CNTT (CIO) trong các cơ quan cấp sở, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện. Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước.

- Chú trọng tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT cho đội ngũ cán bộ công chức các cấp, các ngành; phấn đấu đến năm 2015: 100% cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên biết sử dụng máy tính thành thạo; 100% cán bộ công chức cấp xã biết sử dụng máy tính, trong đó có 50% sử dụng máy tính thành thạo.

- Đẩy mạnh công tác phổ cập CNTT trong các doanh nghiệp và nhân dân như: hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng CNTT; đẩy mạnh công tác giảng dạy tin học ở bậc THPT, THCS và các trường tiểu học các trường đào tạo nghề; triển khai các chương trình bồi dưỡng CNTT cho cộng đồng....

### **3. Định hướng phát triển CNTT đến năm 2020:**

Hoàn thành việc xây dựng cơ quan điện tử, chính quyền điện tử gắn với xây dựng doanh nghiệp điện tử và công dân điện tử; xây dựng thương mại điện tử, bệnh viện điện tử và trường học điện tử.

## **V. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Xây dựng hạ tầng CNTT:**

#### **a. Xây dựng hạ tầng CNTT:**

Đầu tư xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình từ tỉnh đến huyện. Phấn đấu đến năm 2012, 70% các cuộc họp, tập huấn (UBND tỉnh họp với huyện, các sở ngành họp với huyện) được thực hiện theo hình thức hội nghị truyền hình.

Đầu tư, nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh phục vụ cho Một cửa điện tử và giải quyết thủ tục hành chính công liên thông trong toàn tỉnh; phục vụ cho hệ thống thư điện tử, gửi nhận văn bản điện tử; xây dựng CSDL dùng chung; ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc dùng chung cho tất cả các cơ quan, đơn vị...

Đầu tư mua sắm trang thiết bị (mạng, máy tính, máy in) trong các cấp, các ngành như sau:

- Trang bị máy tính: 100% cán bộ công chức cấp tỉnh, huyện, 60% cán bộ công chức cấp xã được trang bị máy tính.

- Tất cả các cơ quan từ UBND xã trở lên xây dựng được mạng LAN và kết nối internet ADSL.

Phối hợp với Ban cơ yếu Chính phủ, Bộ TT&TT triển khai đầu tư sử dụng hệ thống chứng thực chữ ký số phục vụ cho việc gửi nhận văn bản điện tử, tiếp nhận hồ sơ điện tử để giải quyết các thủ tục hành chính công cho công dân.

#### **b. Xây dựng hạ tầng viễn thông phục vụ ứng dụng CNTT:**



Khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông, đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT trong toàn tỉnh đảm bảo 100% các xã được phủ sóng 3G, được kết nối internet ADSL.

Xây dựng, hình thành các mạch vòng viễn thông, đảm bảo giữ vững thông tin liên lạc trong mọi tình huống.

## **2. Ứng dụng CNTT:**

### **a. Ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước:**

Đầu tư cho ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước bao gồm các dự án dùng chung và các dự án dùng riêng cho từng cơ quan, lĩnh vực. Đặc biệt quan tâm đến các dự án dùng chung như sau:

- Trang bị và triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc cho tất cả các sở và UBND các huyện, thành phố phục vụ mục tiêu xây dựng cơ quan điện tử (không dùng giấy trong nội bộ cơ quan); phấn đấu năm 2011 triển khai 20% cơ quan cấp sở, huyện, năm 2012 đạt 60%, năm 2013 đạt 100%.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống thư điện tử bảo đảm cho việc gửi nhận văn bản điện tử, trao đổi công việc giữa các cán bộ công chức, viên chức; đảm bảo phục vụ cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp và đội ngũ cán bộ công chức xã. Phấn đấu đến năm 2012, đạt 90% các văn bản được trao đổi qua mạng.

- Nâng cấp cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, các trang TTĐT của các cấp, các ngành.

Tuỳ theo đặc điểm công việc và tình hình cụ thể của từng cơ quan để đầu tư phát triển các phần mềm chuyên ngành như:

- Đầu tư xây dựng triển khai hệ thống quản lý ngân sách trong toàn tỉnh
- Đầu tư xây dựng triển khai phần mềm quản lý khám và chữa bệnh
- Đầu tư xây dựng triển khai phần mềm quản lý trong trường học
- Đầu tư xây dựng thư viện điện tử
- Đầu tư xây dựng hệ thống tài liệu lưu trữ điện tử
- Các phần mềm khác như: Quản lý cán bộ, công chức, quản lý tài sản....

### **b. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

Làm tốt công tác cung cấp thông tin, thực hiện giải quyết các dịch vụ hành chính công của Cổng giao tiếp điện tử của tỉnh và các trang TTĐT của các cấp, các ngành. Trong giai đoạn từ 2011 -2015, đảm bảo 50% các dịch vụ hành chính công được giải quyết ở mức độ 3 (thông qua cổng hoặc trang TTĐT).

Xây dựng hệ thống giải quyết thủ tục hành chính công điện tử phục vụ cho các cấp, các ngành từ tỉnh đến xã thay thế hệ thống Một cửa điện tử của từng cơ quan hiện nay; bảo đảm khả năng kết nối giữa các hệ thống một cửa với cổng, trang thông tin của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp qua mạng Internet; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục hành chính.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và quảng bá để người dân, doanh nghiệp biết và sử dụng các dịch vụ công trên môi trường mạng.

### **3. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:**

Để đảm bảo cho ứng dụng CNTT phải tập trung vào đào tạo phát triển nguồn nhân lực trong các cơ quan nhà nước ở cả 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) và các đơn vị sự nghiệp trong toàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Đào tạo bồi dưỡng CNTT cho đội ngũ cán bộ công chức cấp xã, đảm bảo 70% biết soạn thảo văn bản (trình độ A).

- Đào tạo bồi dưỡng CNTT cho đội ngũ cán bộ công chức từ cấp huyện trở lên, đảm bảo 100% đạt trình độ A CNTT trở lên, trong đó 80% đạt trình độ B về CNTT.

- Đào tạo bồi dưỡng CNTT cho đội ngũ giáo viên đảm bảo 100% giáo viên biết ứng dụng CNTT trong giảng dạy.

- Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nhân viên các bệnh viện biết ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu về chuyên môn.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ giám đốc CNTT (CIO) trong các cơ quan cấp sở, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện. Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

### **4. Xây dựng Cơ sở dữ liệu (CSDL):**

Xây dựng CSDL là nội dung quan trọng trong việc ứng dụng CNTT, nhằm góp phần khai thác, sử dụng các tài liệu, dữ liệu.... được hiệu quả. Từ nay đến năm 2015 tập trung xây dựng một số cơ sở dữ liệu như sau:

#### **a. Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung:**

Duy trì và phát triển CSDL tự nhiên – kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang.

Xây dựng CSDL về đất đai

CSDL về các doanh nghiệp

CSDL thư viện điện tử (các tác phẩm viết về Bắc Giang, tác phẩm người Bắc Giang)

CSDL hệ thống tài liệu lưu trữ điện tử.

#### **b. Xây dựng CSDL dùng riêng:**

Tất cả các cơ quan cấp sở, UBND huyện, thành phố tiến hành xây dựng các CSDL nội bộ, phục vụ cho việc quản lý, khai thác sử dụng trong cơ quan mình như: CSDL về cán bộ, công chức; CSDL về đối tượng chính sách xã hội, CSDL về dân cư.....

## **VI. GIẢI PHÁP**

### **1. Tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo:**

Sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, BCĐ CNTT tỉnh là yếu tố quyết định đẩy nhanh việc ứng dụng CNTT trong toàn tỉnh. Sự chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định kết quả ứng dụng CNTT của từng cơ quan, đơn vị.

Chất lượng tham mưu của Sở Thông tin và Truyền thông, của phòng Văn hoá thông tin, của cán bộ chuyên trách CNTT góp phần quan trọng giúp cho UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan tổ chức tốt việc ứng dụng CNTT trong địa phương mình, ngành mình.

Ứng dụng CNTT là công việc rất khó khăn đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ trong tất cả các khâu như: quyết tâm của thủ trưởng cơ quan, đầu tư thỏa đáng, làm tốt công tác tổ chức quản lý, vận hành đưa hệ thống CNTT vào sử dụng; sự phối hợp của các cấp, các ngành và của toàn xã hội... điều đó đòi hỏi sự lãnh đạo, chỉ đạo của tất cả các đơn vị trong toàn tỉnh.

## **2. Tăng cường hoàn thiện môi trường pháp lý:**

Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực thông tin và truyền thông chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản nhằm đưa ứng dụng và phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp được sử dụng các dịch vụ công chất lượng cao:

- Xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về CNTT (chính sách ưu đãi, khuyến khích ứng dụng và phát triển CNTT); các cơ chế về tài chính, định mức, hướng dẫn triển khai các dự án ứng dụng CNTT; triển khai áp dụng các chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về CNTT và các văn bản pháp lý liên quan.

- Xây dựng các chính sách, qui chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phù hợp tiêu chuẩn của ngành, lĩnh vực (TCVN ISO/IEC 27001:2009).

## **3. Đầu tư thỏa đáng cho ứng dụng CNTT:**

Xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử, cơ quan, doanh nghiệp điện tử là xu hướng tất yếu trên toàn thế giới. Không thể nói cải cách hành chính tách biệt với việc tổ chức ứng dụng CNTT. Bởi vì, ứng dụng CNTT là cách thức làm việc, là phương tiện làm việc đảm bảo cho cơ quan nhà nước giải quyết công việc được nhanh chóng, hiệu quả, công khai và minh bạch, hạn chế tiêu cực, phiền hà và lãng phí thời gian, tiền bạc. Để xây dựng chính quyền điện tử, cơ quan điện tử đòi hỏi phải đầu tư đúng mức cho ứng dụng CNTT ở các cấp, các ngành.

Các cấp, các ngành hàng năm phải xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT của ngành mình, địa phương mình, trong kế hoạch phải xác định rõ mục tiêu cần đạt được, dự trù kinh phí và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT.

## **4. Phát triển nguồn nhân lực CNTT:**

Con người là yếu tố quyết định trong việc ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước. Do vậy, đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị CNTT, mua sắm phần mềm ứng dụng phải đồng bộ với đào tạo nguồn nhân lực. Đầu tư đến đâu đào tạo cán bộ đến đó để triển khai ngay các ứng dụng CNTT. Đào tạo gắn liền với quản lý và sử dụng nguồn nhân lực. Các cơ quan có chính sách khuyến khích cán bộ CNTT có trình độ cao về làm việc. Trong tuyển chọn cán bộ công chức, cần coi trình độ ứng dụng CNTT là một tiêu chuẩn bắt buộc khi tuyển chọn. Đi đôi với việc xây dựng đội ngũ

cán bộ công chức sử dụng thành thạo CNTT phải tiến hành phổ cập CNTT cho các tầng lớp nhân dân.

### **5. Quản lý tốt các dự án CNTT:**

Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách còn hạn hẹp, nhu cầu đầu tư cho ứng dụng CNTT rất lớn, để đầu tư có hiệu quả cần làm tốt công tác quản lý các dự án đầu tư về CNTT. Quản lý dự án CNTT cần thực hiện tốt 2 khâu trọng yếu là: Thẩm định dự án và nghiệm thu đưa vào vận hành sử dụng. Trong đó, khâu nghiệm thu dự án đưa vào vận hành sử dụng là đặc biệt quan trọng, nhưng thông thường các cơ quan chưa chú trọng đúng mức vấn đề này, chưa bố trí các chuyên gia CNTT để nghiệm thu các dự án CNTT hoàn thành đưa vào sử dụng.

### **6. Huy động các nguồn vốn đầu tư:**

Để phát huy hiệu quả của đầu tư và triển khai ứng dụng, phải huy động sử dụng tổng hợp các nguồn vốn, bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, ngân sách xã), vốn Doanh nghiệp (trong và ngoài tỉnh), vốn ODA, vốn của nhân dân.

## **VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Tổng kinh phí đầu tư cho ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 dự kiến như sau:

- Nguồn ngân sách tỉnh: 31,6 tỷ đồng (cụ thể có phụ lục kèm theo).

- Nguồn ngân sách huyện, xã: 28 tỷ đồng, trong đó chủ yếu cho việc mua sắm trang thiết bị máy tính, máy in, xây dựng mạng LAN.

## **VIII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA KẾ HOẠCH**

### **1. Về cơ sở hạ tầng CNTT:**

Trung tâm tích hợp dữ liệu được xây dựng và đưa vào sử dụng sẽ đảm bảo cho tỉnh một hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, giúp tiết kiệm về chi phí đầu tư, bảo mật, nguồn nhân lực duy trì các hệ thống thông tin nhỏ lẻ tại các cơ quan, đơn vị; hình thành một CSDL dùng chung cho toàn tỉnh thông qua các ứng dụng của các đơn vị; thực hiện việc gửi nhận văn bản và trao đổi công việc giữa các cơ quan, cán bộ công chức được nhanh chóng, tiết kiệm và bảo mật.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được hình thành giúp cho lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các cơ quan đơn vị tiết kiệm thời gian, thông tin được cập nhật nhanh chóng,...

### **2. Về ứng dụng CNTT:**

Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sẽ tạo ra một môi trường làm việc hiện đại, minh bạch, tiết kiệm về thời gian, công sức cũng như về kinh tế. Hình thành một phong cách làm việc khoa học, hiệu quả.

### **3. Về nhân lực CNTT:**

Đảm bảo 100% số cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; 60% cán bộ công chức cấp xã sử dụng thành thạo máy vi

tính, ứng dụng các phần mềm chuyên ngành, điều hành tác nghiệp qua mạng, khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin tác nghiệp chuyên ngành của đơn vị mình.

#### **4. Phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

Thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước góp phần xây dựng chính quyền điện tử, cơ quan điện tử, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính công cho người dân, doanh nghiệp được nhanh chóng, hiệu quả, giảm phiền hà tiêu cực; tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh; tạo sự tin tưởng của người dân, doanh nghiệp đối với Đảng và Chính quyền các cấp.

#### **5. Về công nghiệp CNTT:**

Hình thành được môi trường phát triển công nghiệp phần cứng; từng bước tạo môi trường nghiên cứu và kêu gọi đầu tư từ các nguồn lực kinh tế phát triển khu công nghiệp sản xuất phần cứng trong các giai đoạn tiếp theo.

Phát triển, khuyến khích, hỗ trợ đối với các doanh nghiệp nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung số.

### **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm:**

Căn cứ Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2011-2015 của UBND tỉnh, các cơ quan cấp Sở xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách ứng dụng CNTT hàng năm; xây dựng các dự án đầu tư cho ứng dụng CNTT của đơn vị gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, cân đối ngân sách cho ứng dụng CNTT trình UBND tỉnh phê duyệt.

UBND cấp huyện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT, xây dựng các dự án CNTT, bố trí ngân sách triển khai kế hoạch và dự án CNTT trong địa phương mình.

#### **2. Sở Thông tin và Truyền thông:**

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tham mưu, tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện thắng lợi Kế hoạch ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước đã được thông qua. Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp về phát triển CNTT trên địa bàn, trình Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh quyết định. Tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương để đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về CNTT, hỗ trợ, phối hợp với các sở, ngành, huyện, thành phố, các cơ quan trong tỉnh, các doanh nghiệp thực hiện các chương trình, dự án phát triển và ứng dụng CNTT trên địa bàn.

Làm tốt công tác thẩm định và nghiệm thu đưa vào sử dụng các dự án CNTT sử dụng vốn ngân sách, đảm bảo cho công tác đầu tư đồng bộ, tiết kiệm, tránh chồng chéo, lãng phí.

#### **3. Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định việc bố trí vốn sự nghiệp từ ngân sách tỉnh cho các dự án, nhiệm vụ

chi trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước; chịu trách nhiệm triển khai các chương trình, dự án ứng dụng CNTT của ngành.

#### 4. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong đào tạo, bồi dưỡng kiến thức tin học cho đội ngũ công chức, viên chức; chỉ đạo, triển khai xây dựng Một cửa điện tử, phối hợp tổ chức ứng dụng CNTT với Chương trình cải cách hành chính; tham mưu cho UBND tỉnh tuyển dụng đội ngũ cán bộ công chức nói chung, đặc biệt là cán bộ chuyên trách CNTT trong toàn tỉnh có kiến thức về CNTT đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao./.

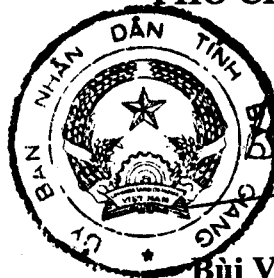
#### Nơi nhận: *KĐ*

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Tỉnh uỷ, HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, VX, TH, TKCT;
- Lưu VT.

#### Bản điện tử:

- Mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể nhân dân;
- Huyện uỷ, Thành uỷ;
- Các đ/c thành viên BCĐ CNTT tỉnh;
- Phòng VHTT các huyện, thành phố;

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



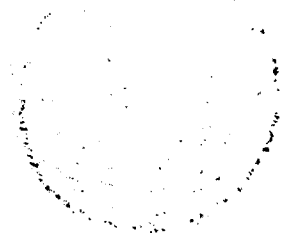
**Bùi Văn Hải**



**BAN CẤP KINH PHÍ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG  
CỦA KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011-2015**  
(Kèm theo Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2010 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục Công trình	Kinh phí và phân kỳ thực hiện					Tổng kinh phí	Đơn vị chủ trì và phối hợp thực hiện
		2011	2012	2013	2014	2015		
		Nguồn Vốn SN	Nguồn Vốn SN	Nguồn Vốn SN	Nguồn Vốn SN	Nguồn Vốn SN		
<b>I. Ứng dụng CNTT</b>		2,700	2,000	4,700	5,100	10,000	24,500	
1	Mua sắm, triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng cho toàn tỉnh (10 huyện, 23 sở ngành)	1,200	2,000	1,700	100	0	5,000	Sở TT&TT
2	Nâng cấp hệ thống thư điện tử của tỉnh	1,500	0	0	0	0	1,500	Sở TT&TT
3	Triển khai hệ thống phần mềm Một cửa điện tử tích hợp toàn tỉnh (10 huyện, 23 sở ngành, 230 xã)	0	0	3,000	5,000	10,000	18,000	Sở TT&TT phối hợp với các sở, UBND các huyện
<b>II. Phát triển hạ tầng CNTT</b>		100	800	2,000	2,200	500	5,600	
4	Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp huyện	0	800	1,500	1,700	0	4,000	Sở TT&TT
5	Xây dựng nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ các cấp các ngành ứng dụng CNTT	100	0	500	500	500	1,600	Sở TT&TT
<b>III. Đào tạo CNTT</b>		200	200	300	300	500	1,500	
6	Đào tạo, bồi dưỡng CNTT cho cán bộ chuyên trách CNTT các sở, ngành, UBND các huyện	200	200	300	300	500	1,500	Sở TT&TT
<b>Tổng</b>		3,000	3,000	7,000	7,600	11,000	31,600	



THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS